TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lời;

2. Ông Phan Văn Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2025/QDST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kim C, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: khu phố K, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: khu phố T , phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Đặng Thị Kim C trình bày:*

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2021, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L), thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2022, ngày 24/10/2022. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh H ăn chơi và đánh đập chị. Anh chị

ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Xuân P, sinh ngày 03/8/2022, khi ly hôn chị C yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết;

** Bị đơn Lê Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị C.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Thanh H có nơi cư trú tại phường L, thành phố G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị C xin ly hôn với anh H, yêu cầu giải quyết về con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2021, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L), thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2022,

ngày 24/10/2022 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị C cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh H ăn chơi và đánh đập chị, anh chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết, anh H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh H không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh H không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị C và anh H đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C với anh H.

[4.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Xuân P, sinh ngày 03/8/2022, khi ly hôn chị C yêu cầu trực tiếp nuôi con; Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu P còn nhỏ đang sống cùng với chị C; trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Qua xác minh tại địa phương thì anh chị đều có thu nhập đủ điều kiện nuôi con nhưng để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho cháu P nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Lê Xuân P cho chị Đặng Thị Kim C tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định "Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", trong vụ án này chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về mức cấp dưỡng: Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận, không thỏa thuận được thì tòa án căn cứ vào thu nhập thực tế của người có nghĩa vụ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, tòa án quyết định mức cấp dưỡng nhưng không được thấp hơn ½ mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Qua xác minh tại địa phương thì hiện tại anh H làm nghề tự do, không xác định được mức thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng ½ mức lương tối thiểu vùng là 1.930.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Xuân P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Kim C.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim C được ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Kim C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Xuân P, sinh ngày 03/8/2022. Anh Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.930.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì chị C, anh H được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0001108 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị C đã nộp đủ án phí. Anh Lê Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- C.C THADS TPGC;
- Các đương sự;
- UBND phường Long Thuận;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo